

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH RÀ SOÁT, BỐ TRÍ, SẮP XẾP, XỬ LÝ TÀI SẢN KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
(Tính đến ngày 15/8/2025)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn xây dựng nhà (m2)
A	Cơ sở nhà, đất			
1	Cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm 0h ngày 01/01/2025	2	5.740,50	726,69
1.1	Cơ sở nhà, đất cơ quan hành chính xã Ya Xiêr (cũ)	2	5.740,50	726,69
	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ya Yiêr (Thôn Ya De xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy)	1	5.740,50	503,25
	- Nhà văn hóa xã	1		223,440
2	Cơ sở nhà, đất tiếp tục sử dụng	27	115.958,92	14.796,41
2.1	Cơ sở nhà, đất cơ quan hành chính xã Ya Xiêr (cũ)	2	5.740,50	726,69
	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ya Yiêr (Thôn Ya De xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy)	1	5.740,50	503,25
	- Nhà văn hóa xã	1		223,440
2.2	Cơ sở nhà, đất cơ quan hành chính Ya Tăng (cũ)	3	8.350,70	719,78
	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ya Tăng (Làng Lút, xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy)	1	8.350,70	430,4
	Hội trường	1		211,38
	Nhà làm việc xã đội	1		78
2.3	Trường Mầm non Chim non	3	4.324,40	922,97
	Điểm trường thôn Kiến Hưng (Thôn Kiến Hưng, xã Ya Ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	2.378,10	587,57
	Điểm trường làng Chứ (Làng Chứ, xã Ya Ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	1.946,30	195,40
	Điểm trường Làng Tum (Trường MN Chim Non theo dõi tài sản 2 phòng học, Đất là bên trường TH-TH Ya Ly theo dõi)	1		140,00
2.4	Trường TH-THCS xã Ya Ly	5	23.398,12	2.668,76
	Điểm trường thôn Đông Hưng- Kiên Xương (thôn Đông Hưng, Kiên hưng, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	1.360,20	225,00
	Điểm trường Làng Chứ (Làng Chứ, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	4.369,72	479,60
	Điểm trường Làng Chờ (làng chờ, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	3.337,10	402,20
	Điểm Làng Tum (làng Tum, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	3.433,50	428,30
	Điểm trường Trung tâm làng Chứ (làng Chứ, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	10.897,60	1.133,66
2.5	Trường Mầm non Hoa Hướng Dương (Trường mầm non Ya Xiêr cũ)	6	8.482,30	1.534,00
	Điểm trường làng Lung (làng Lung , xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	2.415,50	232,00
	Điểm trường làng Rắc (làng Rắc, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	1.992,40	275,00
	Điểm trường làng Trang (làng Trang, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	804,00	77,00
	Điểm trường Thôn 1 (Thôn 1, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	395,70	97,00
	Điểm trường Thôn Thanh Xuân (Thôn 2, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	844,60	272,00
	Điểm trường làng O (làng O, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	2.030,10	581,00
2.6	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Trỗi (Trường TH-THCS xã Ya Xiêr cũ)	5	17.105,00	3.192,36
	Điểm trường Làng Rắc (làng Rắc, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	871,000	255,860
	Điểm trường trung tâm TH (làng Trang, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy,)	1	9.310,000	1.056,740
	Điểm trường trung tâm THCS (làng O, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy,)	1	6.924,000	1.377,270
	Điểm trường Làng Rắc nhỏ(học nhờ trường MN)	1		286,890
	Điểm trường làng lung(học nhờ trường mầm non)	1		215,600
2.7	Trường TH-THCS Chu Văn An	1	11.894,10	2.046,00
	Điểm trường Trung tâm (Thôn 1, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	11.894,10	2.046,00
2.8	Trường Mầm non Vàng Anh	1	3.309,70	819,52
	Điểm Trường Mầm non Vàng Anh (làng trấp, xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	3.309,70	819,52
2.9	Trường TH-THCS Trần Hưng Đạo (Trường TH-THCS xã Ya Tăng cũ)	3	33.354,10	2.166,33
	Điểm Tiểu học - Điểm trường làng Lút (Làng lút, xã Ya Tăng, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	9.451,80	604,00
	Điểm trường làng trấp (làng trấp, xã Ya Tăng, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	1.990,20	465,00
	Điểm THCS trung tâm - Điểm trường làng Lút (Làng Lút,xã Ya Tăng, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	21.912,10	1.097,33
3	Cơ sở nhà, đất đã hoàn thành xử lý từ ngày 01/07/2025 đến ngày báo cáo	4	9.814,50	938,03
3.1	Hình thức xử lý			
a	Điều hòa (điều chuyển) nội bộ			
a1	Cơ sở nhà, đất cơ quan hành chính xã Ya Ly (cũ)	4	9.814,50	938,03
	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ya Ly (Làng Chứ, xã Ya Ly huyện Sa Thầy)	1	9.814,50	421,00
	Gara + nhà trực dân quân	1		51,96
	Hội trường	1		375,07
	Nhà làm việc xã đội	1		90,00
b	Điều chuyển cho Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác			
c	Thu hồi			
d	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý			

d	Hình thức khác			
3.2	Mục đích sử dụng sau khi xử lý			
a	Bố trí làm trụ sở làm việc			
b	Bố trí làm cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao)			
c	Bố trí làm nhà ở công vụ, nhà lưu trú công vụ			
d	Bố trí làm cơ sở giáo dục, đào tạo			
d1	Cơ sở nhà, đất cơ quan hành chính xã Ya Ly (cũ)	4	9.814,50	938,03
	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ya Ly (Làng Chử, xã Ya Ly huyện Sa Thầy)	1	9.814,50	421,00
	Gara + nhà trực dân quân	1		51,96
	Hội trường	1		375,07
	Nhà làm việc xã đội	1		90,00
đ	Bố trí làm cơ sở y tế			
e	Bố trí làm thiết chế văn hóa, thể thao			
g	Bố trí sử dụng vào các mục đích công cộng khác			
h	Sử dụng vào các mục đích khác			
4	Tổng số cơ sở nhà, đất đã tiếp nhận từ các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác từ ngày 01/01/2025 đến ngày báo cáo	35	130.751,63	16.041,69
4.1	Cơ sở nhà, đất cơ quan hành chính Ya Tăng (cũ)	3	8.350,70	719,78
	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ya Tăng (Làng Lút, xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy)	1	8.350,70	430,4
	Hội trường	1		211,38
	Nhà làm việc xã đội	1		78
4.2	Cơ sở nhà, đất cơ quan hành chính xã Ya Ly (cũ)	4	9.814,50	938,03
	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ya Ly (Làng Chử, xã Ya Ly huyện Sa Thầy)	1	9.814,50	421,00
	Gara + nhà trực dân quân	1		51,96
	Hội trường	1		375,07
	Nhà làm việc xã đội	1		90,00
4.3	Trường Mầm non Chim non	3	4.324,40	922,97
	Điểm trường thôn Kiến Hưng (Thôn Kiến Hưng, xã Ya Ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	2.378,10	587,57
	Điểm trường làng Chử (Làng Chử, xã Ya Ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	1.946,30	195,40
	Điểm trường Làng Tum (Trường MN Chim Non theo đổi tài sản 2 phòng học, Đất là bên trường TH-TH Ya Ly theo đổi)	1		140,00
4.4	Trường TH-THCS xã Ya Ly	5	23.398,12	2.668,76
	Điểm trường thôn Đông Hưng- Kiến Xương (thôn Đông Hưng, Kiến hưng, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	1.360,20	225,00
	Điểm trường Làng Chử (Làng Chử, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	4.369,72	479,60
	Điểm trường Làng Chờ (làng chờ, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	3.337,10	402,20
	Điểm trường Làng Tum (làng Tum, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	3.433,50	428,30
	Điểm trường Trung tâm làng Chử (làng Chử, xã Ya ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	10.897,60	1.133,66
4.5	Trường Mầm non Hoa Hướng Dương (Trường mầm non Ya Xiêr cũ)	8	9.841,91	1.631,00
	Điểm trường làng Lung (làng Lung , xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	2.415,50	232,00
	Điểm trường làng Rắc (làng Rắc, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	1.992,40	275,00
	Điểm trường làng Trang (làng Trang, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	804,00	77,00
	Điểm trường Thôn 1 (Thôn 1, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	395,70	97,00
	Điểm trường Thôn Thanh Xuân (Thôn 2, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	844,60	272,00
	Điểm trường làng O (làng O, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	2.030,10	581,00
	Điểm trường làng O (cũ)	1	820,90	
	Điểm trường Thôn Thanh Xuân (Thôn 3 cũ)	1	538,71	97
4.6	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Trỗi (Trường TH-THCS xã Ya Xiêr cũ)	6	19.662,00	3.462,30
	Điểm trường Làng Rắc (làng Rắc, xã Ya xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	871,000	255,860
	Điểm trường trung tâm TH (làng Trang, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy,)	1	9.310,000	1.056,740
	Điểm trường trung tâm THCS (làng O, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy,)	1	6.924,000	1.377,270
	Điểm trường Làng Rắc nhỏ(học nhờ trường MN)	1		286,890
	Điểm trường làng lung(học nhờ trường mầm non)	1		215,600
	Điểm trường Thôn Quy Nhơn cũ	1	2.557,00	269,939
4.7	Trường TH-THCS Chu Văn An	2	18.696,20	2.713,00
	Điểm trường Trung tâm (Thôn 1, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	11.894,10	2.046,00
	Điểm trường Thôn Thanh Xuân	1	6.802,10	667,00
4.8	Trường Mầm non Vàng Anh	1	3.309,70	819,52
	Điểm Trường Mầm non Vàng Anh (làng trấp, xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	3.309,70	819,52
4.9	Trường TH-THCS Trần Hưng Đạo (Trường TH-THCS xã Ya Tăng cũ)	3	33.354,10	2.166,33
	Điểm Tiểu học - Điểm trường làng Lút (Làng lút, xã Ya Tăng, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	9.451,80	604,00
	Điểm trường làng trấp (làng trấp, xã Ya Tăng, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	1.990,20	465,00
	Điểm THCS trung tâm - Điểm trường làng Lút (Làng Lút,xã Ya Tăng, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)	1	21.912,10	1.097,33
5	Tổng số cơ sở nhà, đất cần tiếp tục xử lý tính đến ngày báo cáo	4	10.718,71	1.033,94

5.1	Trường Mầm non Hoa Hướng Dương (Trường mầm non Ya Xiêr cũ)	2	1.359,61	97,00
	Điểm trường làng O (cũ)	1	820,90	
	Điểm trường Thôn Thanh Xuân (Thôn 3 cũ)	1	538,71	97,00
5.2	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Trỗi (Trường TH-THCS xã Ya Xiêr cũ)	1	2.557,00	269,94
	Điểm trường Thôn Quy Nhơn cũ	1	2.557,00	269,94
5.3	Trường TH-THCS Chu Văn An	1	6.802,10	667,00
	Điểm trường Thôn Thanh Xuân	1	6.802,10	667,00
6	Nhu cầu tiếp nhận trụ sở từ Bộ, CQTW, địa phương khác			
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở			
7.1	Đã thực hiện cải tạo, sửa chữa tính đến ngày báo cáo			
7.2	Dự kiến thực hiện cải tạo, sửa chữa			
B	Xe ô tô			
1	Tổng số xe ô tô thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm 0h ngày 01/01/2025	0		
2	Tổng số xe ô tô tiếp tục sử dụng	1		
3	Tổng số xe ô tô đã hoàn thành xử lý từ ngày 01/01/2025 đến ngày báo cáo	0		
3.1	Bán			
3.2	Thanh lý			
3.3	Điều hòa (điều chuyển) nội bộ			
3.4	Điều chuyển cho Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác			
3.5	Thu hồi			
3.6	Hình thức khác			
4	Tổng số xe ô tô đã tiếp nhận từ Bộ, CQTW, địa phương khác từ ngày 01/01/2025 đến ngày báo cáo	1		
5	Tổng số xe ô tô cần tiếp tục xử lý tính đến thời điểm báo cáo	0		
5.1	Số xe ô tô thừa so với tiêu chuẩn, định mức còn sử dụng được	0		
5.2	Số xe ô tô hỏng, không sử dụng được	0		
6	Tổng số xe ô tô còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức			

BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH BỐ TRÍ, SẮP XẾP, XỬ LÝ TÀI SẢN ĐỐI DƯ CẦN XỬ LÝ
(Tính đến ngày 15/8/2025)

Số TT	Tên tài sản	Loại tài sản	Tỉnh/ Thành phố	Xã/ Phường	Thông tin cơ sở nhà, đất cần xử lý		Đơn vị quản lý		Thông tin xử lý						Nguồn gốc tài sản
					Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Tên Đơn vị quản lý	Mã đơn vị quản lý trên PM Tổng kiểm kê tài sản	Đã có Quyết định xử lý	Chưa có Quyết định xử lý	Hình thức xử lý	Thời gian hoàn thành xử lý theo kế hoạch	Thời gian hoàn thành xử lý thực tế	Mục đích sử dụng sau khi xử lý	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Trường Mầm non Hoa Hường Dương (Trường mầm non Ya Xiêr cũ)	Trường Mầm non Hoa Hường Dương (Trường mầm non Ya Xiêr cũ)													
1.1	Làng O	Điểm trường làng O (cũ)	Quảng Ngãi	Ya Ly	820,9		Trường Mầm non Hoa Hường Dương (Trường mầm non Ya Xiêr cũ)			x	Giao về cho UBND xã Ya Ly quản lý	30/9/2025	10-10-2025	Mục đích công cộng khác	NSNN
1.2	Thôn Thanh Xuân	Điểm trường Thôn Thanh Xuân (Thôn 3 cũ)	Quảng Ngãi	Ya Ly	538,71	97	Trường Mầm non Hoa Hường Dương (Trường mầm non Ya Xiêr cũ)			x	Giao về cho UBND xã Ya Ly quản lý	30/9/2025	10-10-2025	Mục đích công cộng khác	NSNN
2	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Trỗi (Trường TH-THCS xã Ya Xiêr cũ)	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Trỗi (Trường TH-THCS xã Ya Xiêr cũ)													
1.1	Làng Trang	Điểm trường Thôn Quy Nhơn cũ	Quảng Ngãi	Ya Ly	2.557,0	269,939	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Trỗi (Trường TH-THCS xã Ya Xiêr cũ)			x	Giao về cho UBND xã Ya Ly quản lý	30/9/2025	10-10-2025	Mục đích công cộng khác	NSNN
3	Trường TH-THCS Chu Văn An	Trường TH-THCS Chu Văn An													
1.1	Thôn Thanh Xuân	Điểm trường Thôn Thanh Xuân	Quảng Ngãi	Ya Ly	6.802,1	667	Trường TH-THCS Chu Văn An			x	Giao về cho UBND xã Ya Ly quản lý	30/9/2025	45.940	Mục đích công cộng khác	NSNN